

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI CỦA SỨ THẦN VIỆT NAM SANG TRUNG QUỐC THỜI NGUYỄN (1802 - 1885)

CAO THỊ VIỆT ANH*

1. Đặt vấn đề

Hoạt động của các sứ thần Việt Nam sang Trung Quốc dưới triều Nguyễn (1802-1885) là chủ đề được quan tâm nghiên cứu, đặc biệt ở khía cạnh kết hợp giữa ngoại giao và thương mại. Các công trình của Bửu Cầm (1), Nguyễn Thị Thảo và cộng sự (2006), Trần Đức Anh Sơn (3) đã nhấn mạnh vai trò chính trị và nghi lễ của các chuyến đi sứ, nhưng chưa đi sâu hệ thống hóa các hình thức hoạt động thương mại lồng ghép. Một số học giả phương Tây như John Crawfurd (4), J. K. Fairbank (1953) đã ghi nhận hiện tượng buôn bán trong hành trình đi sứ, tuy nhiên chủ yếu dưới dạng quan sát rời rạc, thiếu gắn kết với hệ thống tư liệu Việt Nam như *Đại Nam thực lục*, *Châu bản triều Nguyễn*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*...

Từ thực tế đó, bài viết đặt giả thuyết rằng hoạt động thương mại của các sứ thần không chỉ là phụ trợ mà là thành tố thiết yếu trong quan hệ kinh tế Việt - Trung thế kỷ XIX. Mục tiêu nghiên cứu là phân loại các hình thức thương mại của sứ thần, làm rõ sự biến đổi trước và sau năm 1858, đồng thời đánh giá vai trò kinh tế - chính trị của hoạt động này trong hệ thống bang giao Đông Á.

2. Hoạt động thương mại dưới hình thức dâng biểu vật phẩm của sứ thần Việt Nam và quà tặng đáp lễ của triều đình Trung Quốc

Lễ nghi triều cống, lễ sinh được quy định rõ ràng trong các chỉ, dụ được hoàng đế Trung Hoa ban ra, lấy đó làm lệ để Việt Nam tuân theo. Năm 1803, vua Càn Long nhà Thanh đã ban một chỉ dụ quy định về thời hạn tuế cống (6). Các chỉ dụ này quy định rằng: cứ hai năm một lần, triều đình Việt Nam phải gửi đồ tuế cống cho Trung Quốc và cứ bốn năm phải có một sứ bộ sang châu... Việt Nam cũng phải cử sứ bộ đến Bắc Kinh mỗi khi có hoàng đế Trung Quốc thăng hà (để phúng điếu) và mỗi khi có hoàng đế mới đăng quang (để chúc mừng). Ngoài ra, Việt Nam còn cử sứ bộ sang nước Thanh trong các trường hợp: Báo tang một vị vua Việt Nam vừa mất; Xin phong vương cho vị vua mới lên ngôi và sau đó phải có sứ bộ sang tạ ơn về việc được nhà Thanh phong vương; Đi chúc mừng sinh nhật hoàng đế và các thành viên trong hoàng gia nhà Thanh; Đi mua sắm vật dụng cho triều đình; Áp giải các tội phạm Trung Quốc trao trả cho triều Thanh; Đi truy bắt tội phạm trong nước chạy sang Trung Quốc...

Việc sai sứ sang Trung Quốc cũng đã được định lệ rõ trong Hội điển của nhà Nguyễn: “Phàm sai sứ sang nhà Thanh, theo lệ thì cứ bốn năm một lần như gặp

*ThS. Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

những lễ khánh hạ (chúc mừng), Thỉnh phong (xin phong tước), Tạ ơn (tạ ơn), Tiến hương (dâng hương)...” (7). Khảo sát các nguồn tài liệu *Thanh thực lục* (8), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* và bộ *Đại Nam thực lục* có thể thấy sự đối sánh nghi thức giữa hai bên trong mỗi lần triều cống hoặc lễ sinh. Trong các hoạt động bang giao như triều cống, lễ sinh từ phía Việt Nam đều có những cống phẩm dâng tiến đến triều đình nhà Thanh. Ngược lại, triều Thanh hay sứ thần nhà Thanh khi nhận lễ đều có lễ vật đáp tặng. Sự “có đi, có lại” đó bề ngoài là lễ nghi nhưng cũng hàm chứa sự trao đổi phương vật của hai bên, trao đổi hàng hóa của hai quốc gia vì những phẩm vật dâng cống hay ban tặng không hề nhỏ mà đã mang một giá trị kinh tế đích thực (9). Căn cứ vào quy định trong *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, các lễ vật mà sứ thần Việt Nam cần chuẩn bị mang sang dâng tiến triều đình Trung Quốc gồm:

- *Lễ nạp cống*: Cứ 4 năm một lần, bao gồm các sản vật: ngà voi 2 cái, tê giác 2 cái, trầm hương 300 lạng, tốc hương (trầm nổi)

500 lạng, cau và sa nhân mỗi đều 45 cân; trù, hoàn, quyển, bố (tức trù, vóc, lụa, vải) đều 100 tấm.

- *Lễ khánh hạ (mừng)*: Các phẩm nghi gồm: ngà voi 2 đôi, tê giác 4 cái; trù, hoàn, quyển, bố đều 100 tấm.

- *Thỉnh phong*: Gồm các phẩm vật: ngà voi 2 đôi, tê giác 4 cái, trầm hương 50 cân, tốc hương 100 cân; trù, hoàn, quyển, bố đều 100 tấm. (Cẩn án: Gia Long nguyên niên, phẩm nghi thỉnh phong gồm kỳ nam 2 cân, ngà voi 2 đôi, tê giác 4 cái, trầm hương 100 cân, tốc hương 200 cân, trù, hoàn, quyển, bố đều 200 tấm. Đến thời Minh Mệnh nguyên niên thì mới đổi thành lệ như trên).

- *Đáp tạ phong*: Dâng tế hai lễ, mỗi lễ 20 thoi (đỉnh) vàng mười tuổi, mỗi thoi nặng 10 lạng; 100 thoi bạc, mỗi thoi 10 lạng; ngà voi 100 cân, hoa tê giác 2 cái, nhục quế 100 cân; hoàn, quyển đều 100 tấm (10).

Tuy nhiên, theo ghi chép trong *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Thanh thực lục* và *Đại Nam thực lục*, định lệ này không cố định, lễ phẩm dâng tiến thay đổi trong một số thời điểm nhất định (xem bảng 1).

Bảng 1: Vật phẩm trao đổi trong các lần triều cống, lễ sinh Việt Nam sang Trung Quốc giai đoạn 1802-1858 (Nhà Nguyễn sai sứ sang nhà Thanh)

Thời gian	Ghi chú	Phẩm vật sứ thần Việt Nam mang đi	Quà tặng triều đình Trung Quốc ban thưởng, đáp lại
1802	Mang quốc thư của Nguyễn Ánh, sắc phong và ấn của nhà Tây Sơn, dẫn độ hải phi sang nhà Thanh. Sứ đoàn gồm: Chánh sứ Trịnh Hoài Đức, Phó sứ Ngô Nhân Tĩnh, Hoàng Ngọc Uẩn.	<i>Phương vật tiến cống</i> : Ngà voi: 2 đôi, tê giác: 4 cổ, trầm hương: 100 cân, tốc hương: 200 cân, trù: 200 tấm, lụa nôn: 200 tấm, lụa mộc: 200 tấm, vải: 200 tấm, kỳ nam: 2 cân.	Ban yến và thưởng theo lệ <i>Thưởng cho Quốc vương</i> : 500 lạng bạc, 2 tấm đoạn thêu măng xà lớn, 2 tấm đoạn có trang trí, 2 tấm gấm, 10 tấm đoạn thải trong, 10 tấm đoạn thải ngoài. <i>Thưởng cho sứ thần</i> : Y phục, lụa đoạn, vải: Không rõ số lượng.
1803	Thỉnh phong; xin cải quốc hiệu thành Nam Việt. Sứ đoàn gồm: Lê Quang Định, Lê Chánh Lộ, Hoàng Ngọc Uẩn.	<i>Lễ phẩm xin phong</i> : Kỳ nam: 2 cân, ngà voi: 2 cặp, sừng tê: 4 tòa, trầm hương: 100 cân, tốc hương: 200 cân, trù: 200 tấm, the: 200 tấm, vải: đều 200 tấm.	Thưởng theo lệ <i>Ban thưởng như năm 1802</i>
1804	- Lễ phẩm tạ ơn sứ Thanh đã sang phong vương cho vua Gia Long, dâng cống phẩm năm Quý Hợi (1803) và năm Ất Sửu (1805). - Sứ đoàn gồm: Chánh sứ Lê Bá Phẩm, Giáp Ất phó sứ Trần Minh Nghĩa và Nguyễn Đăng Đệ.	<i>Lễ phẩm tạ ơn</i> : Vàng tốt: 200 lạng, bạc: 1.000 lạng, lụa: 100 tấm, the: 100 tấm, sừng tê: 2 tòa, ngà voi: 100 cân, nhục quế: 100 cân Lại dâng hai lễ cống năm Quý Hợi và Ất Sửu: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803	Thưởng theo lệ <i>Ban thưởng như năm 1802</i>

1809 (Tháng 3)	- Lễ tước cống năm Đinh Mão (1807) và Kỷ Tỵ (1809) - Chánh sứ: Nguyễn Hữu Thận, Phó sứ: Lê Đắc Tấn, Ngô [Thì] Vị.	Cống phẩm theo lệ (gấp đôi): Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803.	Ban thường cùng đoàn Võ Trinh <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1809 (Tháng 9)	- Lễ phẩm mừng thọ vua Gia Khánh hoàng đế (Thanh Nhân Tông) 50 tuổi. - Chánh sứ Võ Trinh, Phó sứ Nguyễn Đình Chất, Nguyễn Văn Thịnh.	Lễ phẩm chúc mừng: Ngà voi: 2 đôi, sừng tê: 4 toà, trầu: 100 tấm, the: 100 tấm, lụa: 100 tấm, vải: 100 tấm.	Ban yến và thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1813	Tuế cống phương vật (Tân Mùi, Quý Dậu). Sứ đoàn gồm: Nguyễn Du, Trần Văn Đại, Nguyễn Văn Phong.	Cống phẩm theo lệ (gấp đôi): Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803.	Ban yến và thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1817	Dâng biểu và cống sản vật. Sứ đoàn gồm: Hồ Công Thuận, Nguyễn Huy Trinh, Phan Huy Thực.	Cống phẩm theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Ban yến và thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1819	- Tuế cống Đinh Sửu, Ất Mão Sứ đoàn gồm: Nguyễn Xuân Tinh, Đinh Phiên, Nguyễn Hựu Bình.	Lễ phẩm cống (gấp đôi): Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803.	Ban yến và thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1821	- Dâng hương Nhân Tông Duệ Hoàng đế nhà Thanh (Gia Khánh), mừng Hoàng đế Đạo Quang lên ngôi và tuế cống năm Tân Tỵ 1821. Sứ đoàn gồm: Hoàng Kim Hoán, Phan Huy Thực, Vũ Du.	Cống phẩm theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa). Cống phẩm chúc mừng lên ngôi: như tháng 9 năm 1809.	Thưởng cho cố Việt Nam cống sứ Ngô Thi Vị 300 lượng bạc. Ban thưởng theo lệ. <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1825	Tạ ơn nhà Thanh sắc phong. Vua Minh Mệnh và tuế cống (Tân Dậu và Ất Tỵ) Hai sứ đoàn gồm: Hoàng Văn Quyền, Nguyễn Trọng Vũ, Nguyễn Hựu Nhân và Hoàng Kim Hoán, Phan Huy Chú, Trần Chấn.	Cống phẩm theo lệ (gấp đôi) bao gồm: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803. Cống vật tạ ơn, chuẩn bị hai lễ, mỗi lễ gồm lễ vật như tạ ơn năm 1804.	Ban yến và thưởng theo lệ. <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1828 (Tháng 8)	Tuế cống năm Đinh Hợi, Kỷ Sửu. Sứ đoàn gồm: Nguyễn Trọng Vũ, Nguyễn Đình Tân, Đặng Văn Khải.	Cống phẩm theo lệ (gấp đôi): Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803.	Ban thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> . Thưởng thêm cho mẹ của Quốc vương 1 cân nhân sâm.
1831	Chúc mừng vua Quang Đạo 50 tuổi. Sứ đoàn gồm: Hoàng Văn Đản, Trương Hảo Hợp, Phan Huy Chú.	Lễ phẩm mừng thọ: Ngà voi: 2 đôi, sừng tê: 4 toà, trầu: 100 tấm, the: 100 tấm, lụa: 100 tấm, vải: 100 tấm.	Ban thưởng theo lệ (?) <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1832	Tuế cống Sứ đoàn gồm: Trần Văn Trung, Phan Thanh Giản, Nguyễn Huy Chiếu.	Cống phẩm theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Ban thưởng theo lệ (?) <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1836	Tuế cống Sứ đoàn gồm: Phạm Thế Trung, Nguyễn Đức Hoat, Nguyễn Văn Nhượng.	Cống phẩm theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Ban yến
1840	- Mừng thọ vua Đạo Quang Sứ đoàn thứ nhất gồm: Nguyễn Đình Tân, Phan Tinh, Trần Huy Phác. - Tuế cống theo lệ. Sứ đoàn thứ hai gồm: Hoàng Tế Mỹ, Bùi Nhật Tiến, Trương Hảo Hợp.	Lễ phẩm mừng thọ: Ngà voi: 2 đôi, sừng tê: 4 toà, trầu: 100 tấm, the: 100 tấm, lụa: 100 tấm, vải: 100 tấm Cống phẩm tuế cống: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Hoàng đế nhà Thanh là vua Quang Đạo cho được "đình chỉ để biểu thị lòng thể恤"
1841	Cáo ai vua Tự Đức và cầu phong vua Thiệu Trị Sứ đoàn gồm: Lý Văn Phúc, Nguyễn Đức Hoat, Bùi Phụ Phong.	Lễ phẩm cầu phong: Lễ vật tiến dâng như năm 1802.	Ban thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1846	Tuế cống Sứ đoàn gồm: Trương Hảo Hợp, Phạm Chi Hương, Vương Hữu Quang.	Cống phẩm theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Ban yến
1848	Cáo ai vua Thiệu Trị, cầu phong vua Tự Đức, cống phương vật. Sứ đoàn gồm: Bùi Quý, Vương Hữu Quang, Nguyễn Du.	Lễ phẩm cầu phong: Lễ vật tiến dâng như năm 1802. - Lễ phẩm cống theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Theo lệ cũ. Đình chỉ việc tiến sản vật địa phương Ban yến và thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> .
1849	Tuế cống năm Kỷ Dậu Sứ đoàn gồm: Phan Tinh, Mai Đức Thường, Nguyễn Văn Siêu.	Lễ phẩm cống theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Mệnh cho lưu lại kì cống sau
1853	Tạ ơn và tuế cống Sứ đoàn tạ ơn gồm: Phan Huy Vịnh, Lưu Trọng, Vũ Văn Tuấn. Sứ đoàn tuế cống gồm: Phạm Chi Hương, Nguyễn Hữu Huyền, Nguyễn Duy.	- Lễ phẩm tạ ơn: Cống vật tạ ơn, chuẩn bị hai lễ, mỗi lễ gồm lễ vật như tạ ơn năm 1804. - Lễ phẩm tuế cống: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Ban thưởng theo lệ <i>Ban thường như năm 1802</i> .

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2002-2007; Hồ Bạch Thảo, *Thanh thực lục*, tập 1 và 2, Nxb. Hà Nội, 2019.

Bảng 1 cho thấy trong giai đoạn 1802-1858, có tổng cộng 20 lần nhà Nguyễn sai sứ đoàn sang nhà Thanh để thực hiện cầu phong, triều cống, sỉnh lễ. Bộ Lễ của triều Nguyễn đã chuẩn bị rất công phu các lễ phẩm để sứ đoàn mang đi trên hành trình đi sứ. Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* chép về việc chuẩn bị cho các sứ đoàn triều cống như sau: “Các hạt bạc đỉnh và nhẫn bạc cộng nặng 1.140 lạng (các sự bộ đều dùng: 100 đỉnh hạng đỉnh 10 lạng, 14 đỉnh hạng đỉnh 5 lạng, 52 đỉnh hạng đỉnh 1 lạng 140 đỉnh hạng đỉnh 5 tiền, 1.000 chiếc nhẫn bạc mỗi chiếc nặng 1 tiền. Duy có sứ bộ mang sang chúc mừng thời dùng: 30 đỉnh hạt đỉnh 1 lạng, 140 đỉnh hạt đỉnh 5 tiền, (còn cũng như trên). Lựa mộc trắng của ta: 120 tấm, các hạng lục nồn của ta 220 tấm (Sứ bộ đi chúc mừng chỉ dùng 100 tấm lựa nồn, 200 tấm lựa mộc), 100 tấm vải ta, 50 cân quế ta, 20 chiếc chén ngà voi, 300 chiếc quạt ngà voi, 200 sợi lông đuôi voi (30 sợi nạm vàng, còn lại đều là bạc), 150 chiếc dây đồi mồi (75 chiếc hạng trung, 75 chiếc hạng nhỏ), 150 hộp sáp thơm. Những thứ do quan lại tỉnh Lạng Sơn mang đi khi chò ở cửa quan: 24 tấm lựa mộc ta, 20 cân quế ta, 40 hộp sáp thơm bằng đồi mồi, 30 sợi lông đuôi voi bọc bạc, 20 lạng giang ngân, 10 giạt (mỗi giạt 24 lạng) bạch kim... (11).

Số liệu trong bảng 1 cùng với những ghi chép trên cho thấy số lượng và giá trị kinh tế rất lớn trong những cống vật triều cống, lễ sỉnh mà sứ thần Việt Nam mang sang Trung Quốc. Xét ở một góc độ nhất định, có thể nói nhà Thanh đã duy trì chế độ triều cống như một hình thức bóc lột kinh tế đối với các nước phiên thuộc xung quanh (12). Để giữ được quan hệ hòa hiếu, Việt Nam cũng như các nước thần phục khác phải triều cống Trung Quốc. Tuy nhiên, J. K. Fairbank trong bài viết “*Tributary trade*

and China's relations with the west” (*Thương mại triều cống và mối quan hệ của Trung Quốc với phương Tây*) (13) lại cho rằng ngoại thương của Trung Quốc phụ thuộc vào triều cống, là ân huệ của hoàng đế ban cho người nước ngoài, thể hiện sự hào phóng của triều đình Trung Quốc. Vì quan điểm coi thường “doanh nhân” của chính quyền phong kiến, các thương nhân nước ngoài muốn đến buôn bán với Trung Quốc phải dưới vỏ bọc “sứ thần” thì mới mang hàng hóa vào và mới được tiếp kiến nhà vua. Bên cạnh đó, với con đường cống nạp qua đường biển thời nhà Minh (1368-1644) và nhà Thanh (1644-1911), Trung Hoa đã thiết lập và kết nối 40 vùng đất trên điểm dừng chân trong Đông Nam Á đến triều cống. Trung Hoa muốn thể hiện uy quyền và sức mạnh đối với các nước triều cống, với vai trò là thiên triều, là “trung tâm” để có được sự công công nhận, thần phục của các “ngoại vi”. Với Việt Nam, mối quan hệ đó được thực hiện từ phía Việt Nam với tinh thần chủ động, định kỳ, chặt chẽ hơn. Trong khi đó, với các nước Đông Nam Á, Trung Quốc lại phải tìm cách gây dựng mạng lưới triều cống (qua các chuyến đi về phía Nam của Trịnh Hòa từ 1409 - 1433). Tuy nhiên, hệ thống này không chặt chẽ và không duy trì lâu dài (14). Theo nghi thức bang giao, đáp lại các cống phẩm dâng biếu từ phía nhà Nguyễn, triều đình Trung Quốc cũng có tặng phẩm ban thưởng trở lại. Theo ghi chép trong *Thanh thực lục*: “Ngày 5 tháng 8, năm Gia Khánh 8 (20-9-1803), quốc vương Việt Nam Nguyễn Phúc Ánh sai bồi thần đến cống sản vật địa phương. Giáng sắc khen ngợi, ban yến, thưởng theo lệ” (15).

Tính chất việc ban thưởng “theo lệ” có thể liên tưởng đến những vật phẩm về quần áo, lụa, vải vóc, tiền vàng... có từ đầu triều đại nhà Thanh từ giữa thế kỉ XVII đã

từng ban tặng cho các sứ đoàn Đại Việt. Ngoài ra, sứ thần Việt Nam còn có những thỉnh cầu ban cho quan phục, thuốc men, lịch sách, kinh điển... Sau khi xin được thì cũng phải sai người sang tạ ơn kèm theo phương vật dâng tiến triều đình. Do đó, rất nhiều lần các sứ đoàn đã đi lại với nhiều mục đích khác nhau. Và lần nào cũng có những sự “tiến cống” và “ban thưởng theo lệ”. Như đã phân tích ở trên, sự “có đi, có lại” phần nào phản ánh nhu cầu trao đổi hàng hóa là những đặc sản của

quốc gia phiên thuộc để đổi lấy tiền vàng, sự công nhận và quan hệ hòa hiếu của triều đình Trung Quốc. Như vậy, hai bên đều có lợi ích chính trị - kinh tế từ hoạt động thương mại triều cống này.

Từ bước ngoặt lịch sử năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, hoạt động triều cống, lễ sính, cầu phong của Việt Nam với Trung Quốc có nhiều thay đổi do tác động của nhân tố thứ ba là thực dân Pháp (xem bảng 2).

Trong giai đoạn 1858-1885, nhà Nguyễn

Bảng 2: Vật phẩm trao đổi trong các lần triều cống, lễ sính giữa Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 1858 - 1885 (Nhà Nguyễn sai sứ sang nhà Thanh)

Năm	Ghi chú	Phẩm vật sứ thần Việt Nam mang đi	Quà tặng triều đình Trung Quốc ban thưởng, đáp lại
1868	- Tuế cống 3 lần Đinh Tỵ (1856), Tân Dậu (1861), Ất Sửu (1865). Sứ đoàn gồm: Chánh sứ Lê Tuấn, Phó sứ Nguyễn Tư Giản, Hoàng Tinh.	Lễ phẩm tuế cống (gấp 3): Cống phẩm theo lệ: Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (tăng gấp ba).	Ban yến Thưởng theo lệ <i>Ban thưởng như năm 1802</i>
1870	Sai sứ sang tạ ơn nhà Thanh đã hỗ trợ đánh dẹp quân phi Ngô Côn. Sứ đoàn gồm: Chánh sứ Nguyễn Hữu Lập Phó sứ Phạm Hi Lượng, Trần Văn Chuẩn.	Cống vật tạ ơn, chuẩn bị hai lễ, mỗi lễ gồm: Vàng mười: 20 nén, mỗi nén mười lạng, vàng trắng: 100 nén, mỗi nén mười lạng; Ngà voi: một đôi, hai bộ sừng tê giác hoa: 2 bộ; Quế: 100 cân, Lụa nâu: 100 xấp, Lụa mộc: 100 xấp, 2 con voi thuần.	<i>Ban thưởng cho Quốc vương của Việt Nam</i> Gấm đoạn có thêu: 8 xấp, Gấm đoạn thô vẽ: 8 xấp, 8 thỏi vàng, là 12 xấp, lụa 5 xấp. <i>Sứ thần thi được tặng:</i> 3 thỏi vàng, 8 xấp đoạn, lụa 5 xấp, tơ 2 xấp. <i>Hành nhân và Quân tướng thi mỗi người được:</i> 5 xấp đoạn, 5 xấp lụa, 3 xấp là. Ngoài tặng phẩm của hoàng đế nhà Thanh, Bộ Lễ còn tặng phẩm cho vua và các sứ thần Việt Nam. <i>Cụ thể tặng cho vua:</i> Thuốc tế, 40 viên sâm, 4 bình rượu <i>Tặng sứ thần:</i> 10 viên thuốc, 4 bình rượu <i>Tặng người tùy tùng mỗi người:</i> 5 viên thuốc, 1 bình rượu.
1873	Sai sứ dâng cống hàng năm và mang quốc thư về việc dư đảng của Thái Bình Thiên Quốc vẫn hoành hành ở biên cương phía Bắc sang triều đình Trung Quốc. Sứ đoàn gồm: Chánh sứ Phan Sĩ Thục, Phó sứ Hà Văn Quan, Nguyễn Tu.	<i>Cống phẩm theo lệ:</i> Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Ban yến và thưởng theo lệ <i>Thưởng cho Quốc vương:</i> <i>Ban thưởng như năm 1802</i>
1877	Tuế cống năm Đinh Sửu Sứ đoàn gồm: Chánh sứ Bùi Văn Dị Phó sứ Lâm Hoàng, Lê Cát.	<i>Cống phẩm theo lệ:</i> Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Ban thưởng: Tấm đoạn Đồ trân quý cổ ngoạn Ban thưởng cho sứ thần 3 người tấm đoạn, bao sen theo lệ.
1881	Tuế cống năm Tân Tỵ và tấu sớ về tình hình biên giới giữa hai nước ở phía Bắc. Sứ đoàn gồm: Chánh sứ Nguyễn Thuật, Phó sứ Trần Khánh Tiến và Nguyễn Hoan.	<i>Cống phẩm theo lệ:</i> Lễ vật dâng cống với số lượng như năm 1803 (giảm một nửa).	Thưởng cho Quốc vương Việt Nam cùng bồi thần, hành nhân lụa đoạn, bút, mực, bạc lượng theo lệ. <i>Ban thưởng như năm 1802</i>

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, 8, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2007;

Hồ Bạch Thảo, *Thanh thực lục*, tập 2, Nxb. Hà Nội, 2019.

đã cử đi 5 sứ đoàn đi làm nhiệm vụ bang giao triều cống, lễ sính. Con số này là quá ít so với giai đoạn 1802-1858 với tổng cộng 20 sứ đoàn đã được cử đi. Xét về lợi ích kinh tế thì giai đoạn 2 có sự sụt giảm rất đáng kể, tuy lễ cống và cống phẩm hay vật phẩm, vàng bạc được “ban thưởng trở lại theo lệ” nhưng số lần ít đi đồng nghĩa với lợi ích cũng ít đi. Tuy nhiên, điều thú vị là trong chuyến đi năm 1870 của Chánh sứ Nguyễn Hữu Lập, Phó sứ Phạm Hi Lượng, Trần Văn Chuẩn, vua Đồng Trị đã “ban thưởng theo lệ” mà như đã nói ở những lần trước đó thì vật phẩm được ban tặng trở lại với số lượng ít hơn nhiều lần so với lễ vật tiến cống. Điều này có thể lí giải theo Fairbank, nhà Thanh sau chiến tranh thuốc phiện và các cuộc nổi dậy như Thái Bình thiên quốc bị thâm hụt ngân sách trầm trọng. Việc tiếp tục duy trì hệ thống triều cống trong khi không thể “ban thưởng tương xứng” là biểu hiện rõ ràng của sự lệch pha giữa nghi lễ và thực lực kinh tế - chính trị. Sự bất đối xứng trong quà tặng phản ánh khủng hoảng của mô hình thiên triều khi không còn sức mạnh thực tế hậu thuẫn là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, lễ vật được tặng cũng cho thấy, phương vật từ thiên triều thường có vàng, bạc, sâm, thuốc và rượu. Đó là những thứ đặc sản “quý hiếm” đối với phương Nam. Đó cũng là lợi ích của việc trao đi - đổi lại với phương Bắc.

3. Hoạt động thương mại kiêm nhiệm của sứ thần trên hành trình cống, sính

Ngoài nhiệm vụ ngoại giao như cầu phong hay triều cống, các sứ thần triều Nguyễn thường tranh thủ mang theo hàng hóa để buôn bán, do đây là con đường “buôn bán” thuận tiện, ít bị kiểm soát và thường được miễn thuế nhờ đặc ân từ triều đình nhà Thanh.

Có nhiều nguồn sử liệu đã ghi lại khá tường tận việc mua bán hàng hóa của các sứ bộ ngoại giao ở nửa đầu thế kỷ XIX. *Châu bản triều Nguyễn* cho biết: Ngày 28 tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 7 (1826), Hiệp tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Hữu Thận tấu trình về việc hai sứ bộ sang nhà Thanh trở về Thăng Long. Khi hai Chánh sứ Hoàng Kim Hoán và Hoàng Văn Quyền theo trạm về trước thì 4 phó sứ phải lưu lại Thăng Long để kiểm soát đồ vật. Hộ Tào Nguyễn Công Thiệp đã cùng các phó sứ kiểm kê đồ vật mua được, phân loại thành các mặt hàng. Đối với các loại hàng hóa nhẹ như gấm đoạn gồm 14 thùng chia làm 12 gánh chuyển theo đường bộ về Kinh từ ngày 25 tháng 3. Hàng nặng gồm 16 thùng thì niêm phong, giao Cục tạo tác giữ gìn cùng với 53 hòm tư trang của hai sứ bộ và tùy tùng chờ để chuyển về Kinh bằng đường biển (16).

Mỗi lần đi sứ sang Trung Hoa, các sứ thần không chỉ thực hiện nhiệm vụ bang giao, mà còn được phép mang hàng hóa, mở chợ để buôn bán. Từ đó càng khẳng định rằng, sứ thần có thẩm quyền giao dịch buôn bán. Họ có thể kết hợp công và tư, kiếm lời nhờ những lần được đi sứ sang phương Bắc. Hoạt động này phổ biến đến nỗi mà những thuyền buôn hoặc thương nhân trái phép đã trà trộn để tham gia vào mạng lưới buôn bán này. Vì vậy, nhà Thanh mới có quy định để ngăn chặn những thương nhân buôn gian bán lận trà trộn vào để trục lợi bất chính.

Cũng trong cuốn *Histoire des Relations de la Chine avec l'Annam - Vietnam du XVI^e au XIX^e siècle*, G. Devéria cho biết hàng hóa Việt Nam mang sang bán ở Trung Quốc thường là các sản vật đặc trưng của phương Nam như: vàng tự nhiên; bạc; đồng; đơn sa; ngọc trai; đồi mồi; san hô; trầm hương; dầu tồ hợp; ngọc phỉ thúy;

trĩ lông trắng; hươu trắng; tê giác; voi; sừng tê giác cái, dùng làm chén uống rượu; dê núi; đuôi ươi; khỉ nhiệt đới; khỉ bắt chuột; con trăn; quả xoài; quả mít; cau khô; hồ tiêu; gỗ cây sam; gỗ mun; muối; sơn... (17). Ngược lại, trên hành trình trở về nước, các sứ thần Việt Nam bao giờ cũng mua đặc sản từ các tỉnh, thành Trung Quốc bởi không phải ai cũng có cơ hội để đi mua. Những mặt hàng đó phải kể đến như: Gốm sứ Giang Tây, tơ lụa cao cấp Giang Nam, rượu Quý Châu, thuốc bắc ở Bắc Kinh, trà Hồ Bắc, cá chít vàng, chim công, ngựa; các loại vải đặc biệt là la sa bố, văn bố, gấm ngũ sắc...; giấy Thiên Trường; các loại trúc thối sản: đậu trúc, vân trúc, phác trúc, thùy ti trúc, kê thối trúc; đá cẩm thạch, quặng đồng, bạch đồng, kim cương, thạch anh tím, ngọc lưu ly, thạch cao, hổ phách, bộ đá đỏ, đá long nảo ở Quảng Tây và Vân Nam... (18). Ngoại trừ những món đồ phải đặt làm trước như đồ sứ ký kiểu hay tranh gương, phần lớn các mặt hàng khác đều được sứ bộ mua trên hành trình trở về nước. Lụa, tơ tằm, trà, thuốc bắc... là những hàng hóa dễ dàng vận chuyển được mua từ Trung Quốc, còn các mặt hàng thổ sản, hàng hóa có kích thước và trọng lượng lớn, chủ yếu được mua ở các tỉnh gần biên giới như Quảng Tây, Vân Nam... Các mặt hàng trên đều là những đặc sản quý hiếm của các vùng miền khác nhau ở Trung Quốc mà không dễ gì có thể mua được, nhất là trong bối cảnh thương nhân Việt Nam bị hạn chế sang nước ngoài mua bán, vả lại, quãng đường đi lại hàng ngàn ki-lô-mét thời bấy giờ là một hành trình đầy gian nan, nguy hiểm và khó khăn.

Những hàng hóa này cùng với những tặng phẩm của hoàng đế Trung Quốc được chuyển về Việt Nam rất thuận lợi. *Châu bản triều Nguyễn* phản ánh rõ như sau: Trên đường về nước các sứ bộ được quan

quân các địa phương Trung Quốc hộ tống và cử người mang vác hành lý, hàng hóa cho sứ bộ mỗi khi sứ bộ đi qua địa phận do họ cai quản. Từ đây các quan tuần phủ ở các phủ, châu sát biên giới như Lạng Sơn, Thủy Vỹ, Bình Nguyên sẽ cử người hộ tống sứ bộ và áp tải hàng hóa về đến Hà Nội. Tại đây hàng hóa và tặng phẩm sẽ được phân loại sơ bộ. Theo đó, tặng phẩm của triều Thanh cùng tư trang hành lý của sứ đoàn và hàng hóa quan trọng sẽ được vận chuyển về Kinh đô Huế cùng một lượt với sứ bộ. Những hàng hóa công kênh kém quan trọng được quan nha Hà Nội tạm thời quản lý và sau đó chuyển kinh phí theo đường thủy (19).

Như vậy, hàng hóa mang đi, mua về đều không mất thuế, không phải tuân theo quy định ngặt nghèo như đối với thương nhân tự do. Những “thương nhân nhà nước” được danh chính, ngôn thuận, hưởng ưu đãi, được hỗ trợ tối đa về mọi khâu giao dịch, giá cả, vận chuyển từ khi xuất phát cho đến khi về nước. Điều đó cho thấy hoạt động thương mại gắn liền với các chuyến đi sứ có những lợi thế nổi bật so với các hình thức buôn bán khác lúc này.

Tóm lại, trong giai đoạn 1858-1885, thương mại kiêm nhiệm trong các sứ thần vẫn có thể coi là kênh buôn bán quan phương chính thức giữa triều Nguyễn và nhà Thanh, tiếp nối mô hình đã hình thành từ thời kỳ 1802-1858. Tuy nhiên, dưới tác động của bối cảnh lịch sử phức tạp, đặc biệt là sự can thiệp của thực dân Pháp, hoạt động này trở nên kém sôi động và không còn duy trì được tính ổn định như trước. Đồng thời, mậu dịch triều cống với đặc trưng là các mặt hàng tiêu dùng cao cấp phục vụ cung đình, số lượng hạn chế, chủ yếu mang tính lễ nghi hơn là giá trị kinh tế.

4. Hoạt động thương mại của các sứ đoàn đi áp giải tội phạm, hộ tống người bị nạn về nước

Trong bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc, hoạt động hộ tống tàu thuyền bị nạn và tội phạm về nước cũng là hoạt động rất quan trọng và diễn ra thường xuyên. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* có đề cập đến vấn đề “Tuất nạn” (cứu giúp khi hoạn nạn). Trong đó nêu một số trường hợp điển hình như năm Gia Long thứ hai: “Chuẩn y lời bàn cho các thuyền buôn bị gió hoặc có bị gió bão trôi giạt phá vỡ ván thuyền hàng hóa mất hết quả là thuyền buôn bị nạn, quan sở tại nên chiếu nhân khẩu trong thuyền ấy đều cấp gạo lương mỗi người một phượng cho thuyền ấy sinh sống, đợi hôm gió thuận cho tùy tiện đáp theo thuyền buôn về nước. Như vậy để tỏ ý thương xót người buôn bị nạn” (20). Với chính sách ưu ái thương nhân Trung Quốc, hạn chế thương nhân phương Tây (21), phần lớn tàu thuyền bị nạn được cứu hộ và hộ tống về nước là thuyền buôn nước Thanh. Cùng với nhiệm vụ hộ tống người bị

nạn, các sứ thần cũng mang theo hàng hóa để “dẫn thuyền” sang bán kiếm lời và đồng thời cũng mua hàng hóa từ Trung Quốc mang về trong các lần đi như vậy.

Từ năm 1802-1858, có tổng cộng 11 lần nhà Nguyễn cử quan dùng thuyền hộ tống người bị nạn hoặc tội phạm sang Trung Quốc, trong đó chủ yếu là người Quảng Đông hoặc hộ tống đến Quảng Đông bàn giao cho chính quyền sở tại xử lý tiếp. Điều đặc biệt là tất cả các lần hộ tống đều mang hàng hóa theo để “dẫn thuyền” và sau đó đều mua một lượng lớn hàng hóa để “xuất khẩu”. Trong những lần buôn bán kiêm nhiệm đó, hàng hóa đều được chính quyền Trung Quốc “gia ơn miễn thuế”, “cho mở thuyền buôn bán ngay để khỏi đình trệ” đã thành thông lệ.

Từ đó có thể thấy rằng, buôn bán bằng con đường kiêm nhiệm hộ tống người bị nạn và áp giải tội phạm về nước bằng đường biển đã trở thành một con đường buôn bán rất phổ biến, diễn ra thành thông lệ và được chính quyền hai nước cho phép. Thậm chí, nhà Nguyễn còn tận dụng những

Bảng 3: Hoạt động mua bán của các đoàn hộ tống người bị nạn sang Trung Quốc
(do nhà Nguyễn cử đi giai đoạn 1802-1858)

Thời gian	Ghi chú	Vật phẩm hỗ trợ/hàng hóa mang sang bán	Vật phẩm được ban tặng/Mua hàng hóa trở về
1802	Sứ thần Trịnh Hoài Đức dâng biểu và giải tội phạm	-	-
1808	Trời giải giặc hải phi họ Thái	-	Thuởng thêm, ân thưởng
1829	Hộ tống học sinh Quảng Đông	Mang hóa vật đến bán	Miễn thuế cho hàng hóa
1831	Hành nhân Trần Văn Trung, Cao Hữu Dị hộ tống người bị nạn	-	Thuởng lụa, cấp lương ăn, miễn thuế cho hàng hóa
1833	Thuyền hiệu 22 gặp bão	Cấp cứu, sửa thuyền	Miễn thuế, mở thuyền bán hàng
1834	Thuyền Trần Tử Long gặp bão	Tiền, gạo, sửa thuyền	Thuởng lụa, miễn thuế cho hàng hóa
1835	Việt Nam bắt cướp thuyền buôn	Dẫn thuyền, mở thuyền bán	Miễn thuế cho hàng hóa
1843	Quan Trương Hảo Hợp hộ tống phạm nhân	-	Miễn thuế cho hàng hóa, thuởng thêm
1844	Nguyễn Nhược Sơn hộ tống thuyền gặp bão	Cấp cứu, sửa thuyền	Miễn thuế cho hàng hóa, mở thuyền bán
1845	Thuyền của quyền Thủ bị bão	Cấp đồ ăn, hỗ trợ	Thuởng lụa, miễn thuế cho hàng hóa
1851	Bà Tổng Hiệp bị bão	-	Miễn thuế cho hàng hóa, mở thuyền bán

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, 2, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2002-2003; Hồ Bạch Thảo, *Thanh thực lục*, tập 1 và 2, Nxb. Hà Nội, 2019.

lần hộ tống như thế này để gia tăng thêm cơ hội buôn bán quan phương giữa hai nước. Ví dụ như lần cứu hộ thuyền của quyền Thủ bị doanh của biển Quảng Miển mang quân lính ra biển đuổi giặc cướp đến biển Việt Nam thì bị gió bão. Nhà Nguyễn đã cấp lương ăn, đồ dùng, sửa thuyền cho người Thanh về nước và xin lưu giữ hai nạn nhân để giúp giải tống riêng về Quảng Đông. Tuy nhiên, đến giai đoạn 1858-1885, hoạt động này hoàn toàn vắng bóng. Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, đặc biệt từ những năm 70 của thế kỉ XIX, tình hình biên giới giữa hai nước Việt-Trung rất lộn xộn. Chính quyền hai nước đã mất nhiều thời gian và lực lượng để diệt trừ giặc phi như Lý Dương Tài, Hoàng Sùng Anh, Lục Chi Bình, Đàm Tứ Thê, Dương Đại... cho đến năm 1885, những toán phi này vẫn còn lẩn trốn dai dẳng ở vùng núi rừng biên giới. Khi Việt Nam hoàn toàn nằm dưới sự quản lý của chính quyền thực dân Pháp, Thanh triều rất lo lắng về “phên giậu” ở Vân Nam, Lưỡng Quảng nên nhiều lần ra sức tiêu trừ giặc phi... Đó là lý do vì sao trong giai đoạn 1858-1885, hoạt động thương mại kiêm nhiệm của các đoàn hộ tống tội phạm và người bị nạn trên biển về Trung Quốc không diễn ra thường xuyên như giai đoạn trước.

5. Hoạt động buôn bán của các sứ đoàn được cử sang Trung Quốc với nhiệm vụ mua hàng

Trong các hoạt động thương mại của sứ thần thế kỷ XIX, lịch sử còn được chứng kiến những chuyến đi của các sứ bộ vì mục đích thương mại thuần túy (22). Triều đình cử các sứ đoàn đi mua hàng hóa, vì vậy những chuyến đi như thế này chỉ mang tính chất thương mại, không liên quan đến nghi lễ bang giao như các hoạt động đã nói ở trên. Do nhu cầu tiêu dùng của triều đình, quý tộc là rất lớn, trong khi đó,

thương nhân Việt Nam không được phép tự do ra biển để sang Trung Quốc buôn bán (23). Vì vậy, vua nhà Nguyễn vẫn thường xuyên cử các sứ giả đến Quảng Châu, Quảng Đông để tìm mua hàng cho triều đình. Đặc biệt là vua Gia Long hầu như năm nào cũng phái sứ giả đến Quảng Đông, nhiệm vụ chủ yếu là mua hàng hóa. Đối với Việt Nam, việc mua hàng hóa ở các nơi như Quảng Châu, Hương Cảng, Áo Môn (Ma Cao) rất quan trọng vì hàng hóa mua bằng đường bộ không đủ cung cấp cho nhu cầu và đó là đột phá của triều Nguyễn (24).

Trong những chuyến đi vì mục đích thương mại thuần túy, phải kể đến chuyến đi Hương Cảng mua hàng của Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế để cung tiến trong dịp Lục tuần Đại Khánh của Hoàng thái hậu Từ Dũ vào năm Tự Đức thứ 21 (1868) (25). Hoặc, vào năm Tự Đức thứ 30 (1877), Hoàng Văn Xưởng, Lê Điền đã thực hiện chuyến đi Hương Cảng mua hàng cho triều đình (26). Hay, sau hai chuyến đi sứ sang Trung Quốc năm 1865 và năm 1867 để “khám phông dương tình”, sứ thần Đặng Huy Trứ không chỉ mua được 239 khẩu sơn đù dầu pháo, thành lập được nhiều thương điểm ở Hà Nội để xuất cảng hàng hóa sang Trung Quốc và các nước mà ông còn học được nghề nhiếp ảnh, nghề in sách và đưa những nghề này vào Việt Nam. Ông là người đầu tiên ở Việt Nam lập ra hiệu ảnh “Cầm Hiếu Đường” năm 1869 tại Hà Nội, mở ra nhà in sách đầu tiên “Trí Trung Đường” mở đầu cho kỹ thuật in hiện đại lúc bấy giờ từ Trung Quốc du nhập vào Việt Nam (27). Chúng tôi tạm thống kê những sứ đoàn đã được nhà Nguyễn cử đi sang Trung Quốc chỉ để buôn bán thuần túy (xem bảng 4).

Từ năm 1858-1885, những chuyến đi vì mục đích mua hàng thuần túy không còn diễn ra nữa, chủ yếu là kiêm nhiệm nếu có

Bảng 4: Hàng hóa sứ bộ Việt Nam sang Trung Quốc thuần túy mua hàng theo lệnh của triều đình (1802-1885)

Thời gian	Các sứ bộ Việt Nam đi mua bán hàng hóa thuần túy	Hàng hóa mang đi bán	Hàng hóa mua về
1806	Lương Trinh Quán và Trương Bảo Thiện ở đi sang nước Thanh tìm mua hàng hóa.	Vàng tự nhiên Bạc đồng Đơn sa	Cổ thi Cổ họa Sách hiếm của cổ nhân.
1810	Trương Bảo Thiện, Lê Hữu Định (người Minh Hương ở Gia Định) sang Quảng Đông mua hàng hóa.	Ngọc trai Đổi mỗi San hô	Các bộ sử biên niên của triều Thanh. Các bộ luật
1812	Trần Chấn và Nguyễn Hiệu sang Quảng Đông mua hàng hóa.	Trầm hương Dầu tổ hợp	Sắt Thiếc
1814	Tạ Bằng Chu và Chu Tử Ký sang Quảng Đông tìm mua hàng hóa.	Ngọc phi thủy Trĩ lông trắng Hươu trắng	Lưu huỳnh Nhân sâm Dược liệu
1820	Quan Vinh Phát sang nước Thanh mua hàng hóa.	Tê giác Voi	Trà Tàu Giấy
1820	Trần Vĩnh Hựu, Phan Khắc Ty và Lương Phước Đồng Vũ Hữu Lễ sang nước Thanh mua hàng hóa.	Sừng tê giác cái dùng làm chén uống rượu Đê núi	Thương bích (ngọc bích xanh) Hoàng tông (ngọc tông màu vàng)
1822	Hồ Văn Khuê, Lê Nguyên Đản và Hoàng Á Hắc sang Quảng Đông mua hàng.	Đuôi ươi Khí nhiệt đới Khí bắt chuột	Hoàng khuê (ngọc khuê màu vàng) Thanh khuê (ngọc khuê màu xanh)
1825	Cai đội Nguyễn Đắc Suý và Hàm lâm biện biên tu Trần Văn Trung đi Quảng Đông mua hàng về đến Đà Nẵng năm 1826.	Con trăn Quả xoài Quả mít Cau khô Hổ tiêu Gỗ cây sam	Bạch đồng Kim cương Thạch anh tím Ngọc lưu ly Thạch cao
1826	Chuyến đi Triều Châu mua sắm vật dụng cho triều đình do Thẩm Trung thuộc Ty Hành nhân chỉ huy.	Gỗ mun	Hổ phách
1826	Thuyền Tuấn Đức Trang đi Quảng Đông mua hàng.	Muối	Bộ đá đồ, đá long nảo ở Quảng Tây và Vân Nam...
1847	Triều đình cử Ngô Kim Thanh sang Quảng Đông mua hàng.	Sơn...	

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2002; Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, quyển 48, Nxb. Thuận Hóa, 1993, tr. 437.

những chuyến đi cống, sứ hoặc vì mục đích khác. Đây là điểm tương đồng với hoạt động mua - bán kiêm nhiệm với những chuyến hộ tống tội phạm hoặc người bị nạn về Trung Quốc. Từ đó có thể thấy, cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đã có tác động rất lớn đến quan hệ ngoại giao Việt - Trung thời bấy giờ. Việt Nam phải tập trung đối phó với hành động thôn tính từng bước của thực dân Pháp, Trung Quốc cũng lo lắng đến vấn đề biên giới phía Nam một khi Việt Nam không giữ được độc lập. Điều đó có nghĩa là “tắm phen dầu” ở phía Nam đã bị đánh sập và đe dọa an ninh ở phía Nam Trung Quốc.

Bảng 4 cho thấy, từ năm 1802 đến năm 1885, đã có 7 lần sứ bộ nhà Nguyễn sang Trung Quốc thuần túy mua hàng theo lệnh của triều đình. Đối chiếu với 20 lần triều cống, lễ sứ và 11 lần hộ tống người bị nạn

hoặc tội phạm kiêm mua bán trong cùng thời gian cho thấy hình thức thương mại kiêm nhiệm trong những lần triều cống được sứ đoàn ngoại giao dưới triều Nguyễn phổ biến hơn nhiều hơn so với hình thức thương mại thuần túy. Điều này cũng tỏ rõ những lợi thế của con đường giao lưu buôn bán kiêm nhiệm của các sứ bộ ngoại giao hai nước Việt Nam, Trung Quốc thời bấy giờ.

Những mặt hàng mua vào, bán ra của các thương nhân nhà nước về cơ bản vẫn là những đặc sản của Việt Nam và Trung Quốc. Dù diễn ra bởi những hình thức buôn bán khác nhau nhưng tựu chung vẫn là nhu cầu trao đổi sản phẩm từ những vùng, miền khác nhau. Sức hút của những phương vật, những sản phẩm chuyên biệt, được kết tinh từ đặc trưng của môi trường sống và trí tuệ, kĩ năng, tay nghề của thiên

nhiên và con người đã tạo động lực cho quá trình trao đổi, buôn bán đó.

Một trong những mặt hàng đặc biệt mà các thương nhân được nhà nước phái đi mua phải kể đến là sách vở, cổ thi, cổ họa và sách hiếm của cổ nhân (28). Bên cạnh đó, nhà Nguyễn cũng rất quan tâm và tìm mua các bộ luật của Trung Quốc. Đó là tài liệu thiết thực để nhà Nguyễn tham khảo các định chế chính trị và pháp luật. Chẳng hạn như Bộ luật Gia Long ban hành năm 1815 trên cơ sở kế thừa Bộ luật Hồng Đức (thời Lê sơ) và tham khảo Bộ luật Đại Thanh điều luật.

Như bảng 4 cho thấy, các mặt hàng khan hiếm và khó mua như sắt, thiếc, lưu huỳnh để phục vụ cho việc chế tạo vũ khí; nhân sâm, dược liệu, trà, giấy, các loại ngọc quý, đá quý để phục vụ cho nhu cầu xa xỉ của vua chúa, quan lại cũng là những mặt hàng thường xuyên được các vua nhà Nguyễn sai quan đi tìm mua về. Những hàng hóa mà các sứ đoàn nhà Nguyễn mua được đều cất giữ trong một cơ quan của triều đình chịu trách nhiệm về cung cấp vật dụng tiêu dùng cho hoàng gia. Hàng hóa đó không chỉ dùng riêng cho hoàng tộc mà các hoàng đế cũng ban thưởng nhiều món đồ hiếm quý như quà tặng cho các đại thần hay cho chính sứ thần. Do đó, các món hàng này cũng là một cách mà vua chúa củng cố quyền lực của chính họ. Hoạt động mua bán của các sứ thần được cử đi vì mục đích thương mại thuần túy đã tồn tại như một hình thức kinh doanh thời bấy giờ. Dựa vào lợi thế của thương mại quan phương, các sứ thần đã có nhiều thuận lợi trong việc giao dịch, vận chuyển, mua bán không kém gì so với các hình thức buôn bán đã nói ở trên.

6. Kết luận

Như vậy, thực tế lịch sử đã cho thấy có sự trao đổi hàng hóa trong những chuyến đi làm nhiệm vụ bang giao của các sứ thần

triều Nguyễn. Đây cũng là phương thức “ngoại thương” mang tính chính ngạch vì được sự chấp thuận của triều đình hai bên.

Hoạt động thương mại của sứ thần Việt Nam sang Trung Quốc diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú bao gồm sự trao đổi lễ vật trong hoạt động triều cống, cầu phong, thụ phong, lễ sinh trong các dịp tạ ơn, chúc mừng, cáo ai; mua bán kiêm nhiệm của các sứ thần trên đường làm nhiệm vụ bang giao; mua bán của các đoàn thuyền hộ tống người bị nạn hoặc dẫn độ thổ phỉ về nước và tất nhiên, không thể thiếu những chuyến đi của triều đình cử đi mua bán vì mục đích thương mại thuần túy. Nếu so sánh về tương quan số lượng, những chuyến buôn bán kiêm nhiệm của hành trình cống, sinh diễn ra nhiều nhất, sau đó mới kể đến những chuyến buôn bán kiêm nhiệm của hành trình hộ tống người bị nạn và dẫn độ tội phạm về nước, cuối cùng là những chuyến buôn bán vì mục đích thương mại.

Khi so sánh hoạt động mua bán với các hình thức khác nhau giữa hai giai đoạn: 1802-1858 và 1858-1885, giai đoạn thứ hai đã thưa vắng dần thậm chí là không diễn ra nữa. Điều này là do tác động của tình hình chính trị của hai nước. Với cuộc xâm lược của thực dân Pháp, quan hệ bang giao - kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc gặp nhiều khó khăn dẫn đến phải dừng hẳn. Thay vào đó là những lần bị hoãn, những lần tập trung vào việc “thăm phỏng dương tình”, nghe ngóng tình hình của Trung Quốc để có đối sách phù hợp và thực dân phương Tây.

Những hình thức buôn bán nói trên vừa mang màu sắc chính trị vừa mang màu sắc kinh tế. Những hoạt động thương mại quan phương kể trên đã đem lại những nguồn lợi không thể phủ nhận. Trong khi chính quyền hai nước đều hạn chế buôn bán trao đổi của thương nhân cá nhân, nhất là triều

Nguyễn đã thi hành chính sách cấm tất cả những thương nhân người Việt sang Trung Quốc để buôn bán, nhà Thanh không cho phép buôn bán qua đường biển. Võ bực

chính trị đã mang lại những lợi thế rất riêng cho những hình thức thương mại này, điều mà các con đường buôn bán khác không thể nào có được.

CHÚ THÍCH

(1). Bửu Cầm, *Lịch sử quan hệ quốc tế (từ cổ đại đến cận đại)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1992.

(2). Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Văn Kim & Nguyễn Hồng Dương, *Giao lưu thương mại và văn hóa giữa Việt Nam với các nước Đông Á từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.

(3). Trần Đức Anh Sơn, *Hoạt động thương mại của các sứ bộ Việt Nam ở Trung Quốc thời Thanh*, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000.

(4). Crawford, J., *Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochinchina* (Tập 1-2), Henry Colburn, London, 1828.

(5), (13), (14). Fairbank, J. K., *Tributary Trade and China's Relations with the West, The Far Eastern Quarterly*, Tập 1, số 2, 1942, tr. 129-149.

(6). Philippe Truong, *Les ambassades en Chine sous la dynastie des Nguyễn (1804-1924) et les bleu de Hué*, Paris, 1998.

(7), (10), (11), (21). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (Tập 4, Quyển 48 và Quyển 128), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 8-9, 30-31, 312, 437.

(8). *Thanh thực lục*, Hồ Bạch Thảo dịch (Tập 1 & 2), Nxb. Hà Nội, 2019, tr. 528.

(9). Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, *Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc thời Nguyễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, tr. 103.

(12). Tạ Ngọc Liễn, *Quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr. 70.

(15). *Thanh thực lục*, Hồ Bạch Thảo dịch, tập 1, sdd, tr. 528.

(16), (19), (26). Cục Lưu trữ Nhà nước, Đại học Huế & Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu Văn hóa, *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1998, tr. 420, 248.

(17). G. Devéria. *Histoire des Relations de la Chine avec l'Annam - Vietnam du XVIe au XIXe siècle* (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội Ed.), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007, tr. 305.

(18). Trần Đức Anh Sơn, *Hoạt động thương mại của các sứ bộ Việt Nam ở Trung Quốc thời Thanh*, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-VII*, Nxb. Thế giới, 2000, tr. 304.

(21), (23). Trương Thị Yến, *Chính sách thương nghiệp của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX* (Luận án Tiến sĩ Lịch sử), Viện Sử học, 2004, tr. 112-113.

(22). Trần Đức Anh Sơn, *Ngoại thương và ngoại giao triều Nguyễn qua tư liệu và hiện vật khảo cổ* (Tủ sách Thuận Hóa), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2010, tr. 304-305.

(24), (28). Nguyễn Duy Chính, *Bang giao Việt - Thanh thế kỷ XIX*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr. 40, 100.

(25). Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI - XVII*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000.

(27). Phạm Tuấn Khánh, *Một bài văn của Đặng Huy Trứ*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1, 1990, tr. 69.